TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **361/2026/DS-PT**
Ngày: **25 – 5 – 2026**
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Lan Hương**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Nhân**

Bà **Võ Thị Thanh Phượng**

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Hòa** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Nai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 184/2026/TLPT-DS ngày 19 tháng 3 năm 2026 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2026/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 286/2026/QĐ-PT ngày 01 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 353/2026/QĐ-PT ngày 17 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 400/2026/QĐ-PT ngày 07 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Võ Anh T**, sinh năm 1970.

Bà **Từ Kim M**, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Số A, đường N, ấp V, xã T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã T, thành phố Đ).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông T, bà M: Bà **Bùi Anh T1**, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Số B N, khu phố B, phường T, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, thành phố Đ).

(Theo Văn bản ủy quyền ngày 03/02/2026)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông T1, bà M: Luật sư **Lê Văn B**, sinh năm 1976 – Công ty L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ (nay là Đoàn Luật sư thành phố Đ).

Địa chỉ: Số B đường N, khu phố D, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, thành phố Đ).

2. Bị đơn: Bà **Giang Thị H**, sinh năm 1962.

Ông **Vũ Đăng K**, sinh năm 1959.

Cùng địa chỉ: Số C, đường D, tổ E, khu phố V, phường T, thành phố Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông K: Ông **Nguyễn Thanh M1**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: B, đường D, tổ I, ấp C, xã T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã T, thành phố Đ).

(Theo Văn bản ủy quyền ngày 06/4/2026)

Người kháng cáo: Bị đơn bà Giang Thị H và ông Vũ Đăng K.

(Ông T1, bà M, bà T1, Luật sư B, bà H, ông M1 có mặt;
Ông K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nội dung chính của vụ án:

- Nguyên đơn ông Võ Anh T và bà Từ Kim M do bà Bùi Anh T1 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Do quen biết với vợ chồng ông Vũ Đăng K và bà Giang Thị H nên vợ chồng ông T1, bà M cho vợ chồng ông K, bà H mượn tiền để làm ăn kinh doanh bất động sản. Cụ thể quá trình vay mượn được thực hiện bằng hình thức giao tiền mặt tại nhà ông K hoặc chuyển khoản thành nhiều đợt, khi cho vay thỏa thuận lãi suất là 03%/tháng. Hiện tại, bà H và ông K thừa nhận còn nợ ông T1, bà M 7.000.000.000đ (bảy tỷ đồng) tiền gốc nên ông T1, bà M khởi kiện yêu cầu bà H và ông K trả toàn bộ số tiền nợ gốc trên.

Về tiền lãi: Ông T1, bà M yêu cầu ông K, bà H phải trả tiền lãi được tính lãi suất theo mức lãi suất quy định của nhà nước là không quá 20%/năm tức 1,66%/tháng. Cụ thể như sau:

Lần 1 vay vào ngày 06/10/2022 tính lãi đến ngày 13/11/2022 trên số tiền nợ gốc 3.000.000.0004 (ba tỷ đồng): 3.000.000.000 đồng x 1,666% x 37 ngày = 61.420.000 đồng (Sáu mươi mốt triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

Lần 2 vay vào ngày 21/10/2022 tính lãi đến ngày 13/11/2022 trên số tiền gốc 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng): 700.000.000 đồng x 1,666% x 22 ngày = 8.521.000 đồng (Tám triệu năm trăm hai mươi mốt nghìn đồng).

Lần 3 vay vào ngày 02/11/2022 tính lãi đến ngày 13/11/2022 trên số tiền gốc 2.500.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm triệu đồng): 2.500.000.000 đồng x 1,666% x 11 ngày = 15.216.000 đồng (Mười lăm triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng).

Lần 4 vay vào ngày 08/11/2022 tính lãi đến ngày 13/11/2022 số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) = 500.000.000 đồng x 1.666% x 05 ngày = 1.383.000 đồng (Một triệu ba trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Lần 5 vay vào ngày 13/11/2022 số tiền 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng). Tổng cộng đến ngày 13/11/2022 tổng số tiền vay của các lần cộng lại là 9.700.000.000 đồng (Chín tỷ bảy trăm triệu đồng).

Số tiền 9.700.000.000đồng (Chín tỷ bảy trăm triệu đồng) tính lãi đến ngày 22/02/2023 là: 9.700.000.000 đồng x 1.666% x 99 ngày = 531.366.000 đồng (năm trăm ba mươi mốt triệu ba trăm sáu mươi sáu ngàn đồng).

Đến ngày 22/02/2023 bà H và ông K trả được 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) tiền gốc. Còn nợ gốc là 9.000.000.000 đồng. Số tiền lãi được tính từ ngày 22/02/2023 đến ngày 19/3/2023 là: 9.000.000.000 đồng x 1.666% x 27 ngày = 134.460.000 đồng (một trăm ba mươi tư triệu bốn trăm sáu mươi ngàn đồng).

Đến ngày 19/3/2023 bà H và ông K trả được 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) tiền gốc, còn nợ gốc là 7.000.000.000 đồng (bảy tỷ đồng). Kể từ đó cho đến nay bà H và ông K không trả được cả gốc và lãi.

Ông K và bà H phải trả lãi trên số nợ gốc 7.000.000.000đ tính từ ngày 19/3/2023 đến ngày 09/01/2026 là: 7.000.000.000 đồng x 1.666% x 33 tháng 21 ngày = 3.915.940.000 đồng (ba tỷ chín trăm mười lăm triệu chín trăm bốn mươi ngàn đồng).

Tổng tiền lãi phải trả là 4.668.306.000 đồng (bốn tỷ sáu trăm sáu mươi tám triệu ba trăm lẻ sáu ngàn đồng).

Đối với số tiền lãi vợ chồng bà H cho rằng đã trả được 495.000.000 đồng thì ông T1, bà M công nhận là đúng và đồng ý trừ vào tiền lãi phải trả.

Do vậy, đề nghị Tòa án buộc ông K, bà H phải trả số tiền lãi còn lại là 4.173.306.000 đồng (4.668.306.000 đồng - 495.000.000 đồng).

- Bị đơn bà Giang Thị H trình bày:

Bà có quen biết bà Từ Kim M từ năm 2018 và bà đã vay mượn rất nhiều lần và đã trả gốc và lãi nhiều lần. Từ ngày 06/10/2022 đến ngày 21/3/2023 bà có vay của bà M tổng số tiền gốc là 9.700.000.000 đồng. Sau đó, bà đã trả lãi cho bà M được 495.000.000 đồng và đã trả cho bà M thêm được số tiền nợ gốc là 2.700.000.000 đồng.

Nay bà thừa nhận số nợ gốc còn nợ bà M là 7.000.000.000 đồng, bà đồng ý trả cho bà M số tiền nợ gốc này và xin không trả lãi. Bà đã đề nghị được trả bằng mấy sào đất cho bà M nhưng bà M không đồng ý.

Bà khẳng định là bà vay tiền sử dụng vào mục đích làm ăn riêng cá nhân bà, không liên quan gì đến ông K. Vì vậy bà đề nghị tòa án không đưa ông K vào tham gia tố tụng.

- Bị đơn ông Vũ Đăng K do ông Nguyễn Thanh M1 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông K không có vay nợ, tranh chấp với bất kỳ ai, không liên quan gì đến công việc của vợ con làm, nếu vợ con ông K có vay nợ ai thì vợ con ông K chịu trách nhiệm với người đó, ông K không có liên quan và không chịu trách nhiệm, đề nghị Tòa án không đưa ông K vào tham gia tố tụng.

2. Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2026/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai đã căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 269, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Giang Thị H và ông Vũ Đăng K phải có trách nhiệm trả cho bà Từ Kim M, ông Võ Anh T số tiền là 11.173.306.000 đồng *(mười một tỷ một trăm bảy mươi ba triệu ba trăm lẻ sáu nghìn đồng)*, trong đó gốc là 7.000.000.000 đồng; tiền lãi là 4.173.306.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

3. Kháng cáo của bị đơn bà H, ông K:

Ngày 12 tháng 01 năm 2026, bị đơn bà Giang Thị H và ông Vũ Đăng K kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2026/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai theo hướng: Xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về tiền lãi và ông K không có trách nhiệm phải trả nợ cùng bà H.

4. Quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông T, bà M của Luật sư:

Về số tiền nợ gốc: Bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 7.000.000.000 đồng và đồng ý trả tiền nợ gốc cho nguyên đơn.

Về tiền lãi: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi với số tiền 3.915.940.000đ, bà M cũng đồng ý trả số tiền lãi trên cho nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về trách nhiệm trả nợ: Tuy ông K và bà H cho rằng bà H vay tiền của vợ chồng bà M để sử dụng vào mục đích làm ăn riêng cá nhân, không liên quan gì đến ông K; nhưng xét thấy, khoản vay trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, đồng thời tại giấy trả nợ ngày 19/3/2023 thể hiện ông K là người trực tiếp đi trả nợ cho bà M số tiền 500.000.000 đồng và ký tên trên Giấy trả nợ.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông K và bà H có trách nhiệm phải trả cho ông T, bà M số tiền nợ gốc là 7.000.000.000đ và tiền lãi là 3.915.940.000đ.

5. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai tại phiên tòa:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Giấy vay tiền được các bên ký nhận, bà H cũng thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 7.000.000.000đ và đồng ý trả cho bà M số tiền nợ gốc này nên có căn cứ xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 7.000.000.000đ.

Về yêu cầu tính lãi: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn thay đổi yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi với số tiền 3.915.940.000đ, bị đơn bà M cũng đồng ý trả số tiền lãi trên cho nguyên đơn.

Về trách nhiệm trả nợ, ông K và bà H kháng cáo cho rằng bà H vay tiền của vợ chồng bà M để sử dụng vào mục đích làm ăn riêng cá nhân, không liên quan gì đến ông K nên đề nghị chỉ buộc bà H trả nợ cho ông T, bà M. Tuy nhiên, xét thấy khoản vay trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông K, bà H; đồng thời tại giấy trả nợ ngày ngày 19/3/2023 thể hiện ông K là người trực tiếp đi trả nợ cho bà M số tiền 500.000.000 đồng và ký tên trên Giấy trả nợ nên không có căn cứ cho rằng ông K không liên quan việc bà H vay tiền và không có trách nhiệm trả nợ.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Giang Thị H và ông Vũ Đăng K, sửa bản án sơ thẩm số 01/2026/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai do phát sinh tình tiết mới, buộc ông K và bà H có trách nhiệm phải trả cho ông T, bà M số tiền nợ gốc là 7.000.000.000đ và tiền lãi là 3.915.940.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện và người tham gia tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định chính xác và đầy đủ.

[1.2] Về thủ tục kháng cáo:

Căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Đơn kháng cáo của bà Giang Thị H và ông Vũ Đăng K làm trong hạn luật định, các đương sự thuộc trường hợp được miễn đóng tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định nên kháng cáo được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án và kháng cáo của bị đơn bà H, ông K:

Căn cứ vào Giấy vay tiền được các bên ký nhận (BL 46) và chính bị đơn bà H cũng thừa nhận tính đến ngày 19/3/2023 còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 7.000.000.000đ và đồng ý trả cho bà M số tiền nợ gốc này nên có cơ sở xác định việc vay mượn tiền giữa các bên là có thật. Do đó, có căn cứ xác định bị đơn còn nợ cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 7.000.000.000đ.

Về yêu cầu tính lãi: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn thay đổi yêu cầu số tiền lãi, chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi với số tiền 3.915.940.000đ, bị đơn bà M cũng đồng ý trả số tiền lãi trên cho nguyên đơn nên xác định số tiền lãi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 3.915.940.000đ.

Về trách nhiệm trả nợ: Bị đơn ông K và bà H cho rằng ông K không có trách nhiệm phải trả khoản nợ này do bà H là người đứng ra vay mượn nợ để làm ăn cá nhân, ông K không liên quan gì đến công việc của bà H. Tuy nhiên, xét thấy khoản vay trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông K, bà H; đồng thời tại giấy vay mượn tiền giữa các bên thể hiện ông K là người trực tiếp đi trả nợ cho bà M số tiền 500.000.000đ vào ngày 19/3/2023 và ghi Khuê H trả Ú (bà M) 500triệu, ký tên xác nhận. Chữ viết, chữ ký trên của ông K đều được tất cả các bên thừa nhận.

Do đó, bị đơn ông K, bà H kháng cáo đề nghị ông K không liên quan việc bà H vay tiền nên không có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên, bị đơn là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí, nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại bà Từ Kim M, ông Võ Anh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.500.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0007763 ngày 13/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đ (nay là Thi hành án dân sự thành phố Đ).

[3.2] Về án phí phúc thẩm:

Do kháng cáo của bị đơn bà Giang Thị H và ông Vũ Đăng K không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà H, ông K.

[4] Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ và quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ và phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Giang Thị H và ông Vũ Đăng K; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2026/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai (do có tình tiết mới).

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 269, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Anh T và bà Từ Kim M: Tuyên buộc bà Giang Thị H và ông Vũ Đăng K phải có trách nhiệm trả cho bà Từ Kim M, ông Võ Anh T số tiền nợ gốc là **7.000.000.000đ** *(Bảy tỷ đồng);* tiền lãi là **3.915.940.000đ** *(Ba tỷ chín trăm mười lăm triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng)*; tổng cộng là: **10.915.940.000đ** *(mười tỷ chín trăm mười lăm triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng).*

2. Về án phí:

2.1. Án phí sơ thẩm:

Bà Giang Thị H và ông Vũ Đăng K được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại bà Từ Kim M, ông Võ Anh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.500.000đ *(năm mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng)* tại Biên lai thu tiền số 0007763 ngày 13/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đ (nay là Thi hành án dân sự thành phố Đ).

2.2. Án phí phúc thẩm: Bà Giang Thị H và ông Vũ Đăng K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành

án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Đồng Nai;
- TAND khu vực 3 – Đồng Nai (2);
- Phòng THADS KV 3 – Đồng Nai;
- THADS thành phố Đồng Nai;
- Các Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Bùi Lan Hương